Mật Tạng Bộ 1_ No.848 (Tr.25_ Tr.29)

# KINH ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN GIA TRÌ
# _QUYỂN THỨ TƯ_

Hán dịch: Đời Đường_ Nước Trung Thiên Trúc Tam Tạng THIỆN VÔ ÚY (Śubhākara-siṃha) và Sa Môn NHẤT HẠNH đồng dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

## MẬT ẤN
## _PHẨM THỨ CHÍN_

Bấy giờ Đức Bạc Già Phạm Tỳ Lô Giá Na quán sát các Đại Chúng Hội, bảo Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ rằng: "Này Bí Mật Chủ! Có vật đồng với sự trang nghiêm của Như Lai, đồng với thú hướng tiêu biểu của Pháp Giới. Bồ Tát do vật ấy mà tự trang nghiêm thân cho nên trải qua các nẻo trong sinh tử, ở trong Đại Hội của tất cả Như Lai dùng cây phướng **Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi-ketu) này làm vật tiêu biểu. Các hàng **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **Dạ Xoa** (Yakṣa), **Càn Thát Bà** (Gandharva), **A Tô La** (Asura), **Yết Lộ Trà** (Garuḍa), **Khẩn Na La** (Kiṃnara), **Ma Hầu La Già** (Mahoraga), **Người** (Manuṣya), **Phi Nhân** (Amanuṣya)… đều cung kính vây quanh, nhận lời dạy bảo mà thi hành. Nay Ông hãy lắng nghe! Hãy khéo ghi nhớ! Ta sẽ diễn nói"

Nói như vậy xong.

Kim Cương Thủ bạch rằng: "Thế Tôn! Nay chính là lúc! Bạch Đức Thế Tôn! Nay chính là lúc!"

1) Khi đó, Đức Bạc Già Phạm (Bhagavaṃ) liền trụ ở Tam Muội **Thân Vô Hại Lực** (sức không thể hại của Thân). Trụ trong Định đó nói Minh Phi (Vidyā-rājñī) **Nhất Thiết Như Lai Nhập Tam Muội Gia biến nhất thiết vô năng chướng ngại lực Vô Đẳng Tam Muội Lực** [Tất cả Như Lai vào Tam Muội Gia (Samaya) cùng khắp tất cả không có sức mạnh nào có thể gây chướng ngại tức sức Tam Muội không có gì sánh bằng (Asama-samaya-bala)] là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A tam mê (2) đát-lý tam mê (3) tam ma duệ (4) toa ha (5)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ ASAME TRISAME SAMAYE_ SVĀHĀ

Bí Mật Chủ! **Minh Phi** như vậy thị hiện tất cả Địa của Như Lai, chẳng vượt qua Giới của **ba Pháp Đạo** (Tri-Dharma-mārga: là Thân Bản Tôn, Chân Ngôn và Mật Ấn), viên mãn **Địa Ba La Mật** (Bhùmi-pàramità)

Tướng của Mật Ấn đó là : Chắp 2 tay Định Tuệ giữa rỗng không (Sampuṭa: Không Tâm Hợp Chưởng), dựng đứng hai Hư Không Luân (2 ngón cái) hợp cùng nhau.

Tụng là :
"Đây Đại Ấn Cứu Thế
Của tất cả chư Phật
Chính Giác Tam Muội Gia
An trụ nơi Ấn này"

2) Lại dùng tay Định Tuệ (2 bàn tay) nắm quyền, co Hư Không Luân (ngón cái) vào trong lòng bàn tay, duỗi Phong Luân (Ngón trỏ) ra. Đây là Ấn **Tĩnh Pháp Giới** (Śuddha-dharmadhātu- mudra)

Chân Ngôn là :
**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đạt ma đà đổ (2) tát-phộc bà phộc cú ngân (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ DHARMA-DHĀTU SVABHĀVAKA-UHAṂ

3) Lại dùng tay Định Tuệ (2 tay), năm Luân (5 ngón tay) cùng hàng lần lượt nghiêng vào cùng móc nhau. Riêng 2 Hư Không Luân (2 ngón cái) cong đầu cùng hướng vào nhau.

Tụng là:
"Đây gọi là **Thắng Nguyện**
**Cát Tường Pháp Luân Ấn** (Vara-śwrī-dharma-cakra-mudra)
Bậc Thế Y cứu thế
Thảy đều chuyển Luân ấy"
Chân Ngôn là **:**
**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Phạt chiết-la đát-ma cú ngân (2)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ VAJRA-ATMAKA-UHAṂ

4) Lại duỗi 2 tay Định Tuệ, tác **Quy Mệnh Hợp Chưởng**, Phong Luân (ngón trỏ) cùng vê cuốn lại, đặt 2 Không Luân (2 ngón cái) lên trên, hình như **Khiết Già** (Khaḍga: cây đao).

Tụng là :
Đây Ấn **Đại Tuệ Đao** (Mahā-jñāna-khaḍga-mudra)
Tất cả Phật đã nói
Hay đoạn trừ chư **Kiến** (Darśana)
Là **Câu Sinh Thân Kiến** (Sahaja-satkāya-dṛṣṭi)
Chân Ngôn là :

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Ma ha khiết già vi la đồ (2) đạt ma san nại la-xa ca sa ha đồ (3) , tát ca gia nại lật sắt-trí xế nặc ca (4) Đát tha nghiệt đa địa mục cật-để nhĩ xã đa (5) vi la già đạt ma nễ xã đa hàm (6)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ MAHĀ-KHAḌGA VIRAJA DHARMA SAMDARŚAKA SAHAJA-SATKĀYA-DṚṢṬI CCHEDAKA_ TATHĀGATA ADHIMUKTI NIRJĀTA _ VIRĀGA DHARMA NIRJĀTA _ HŪṂ

5) Lại chắp hai tay Định Tuệ sao cho giữa rỗng không (Hư Tâm Hợp Chưởng) Co hai Phong Luân (2 ngón trỏ), đem hai Không Luân (2 ngón cái) bám chặt chúng, hình như Thương Khư (Śaṅkha: vỏ ốc)

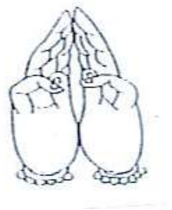

Tụng là:
"Đây gọi là **Thắng Nguyện**
**Cát Tường Pháp Loa Ấn** (Vara-śrī-dharma-śaṅkha-mudra)
Chư Phật, Thầy của đời
Bồ Tát, Đấng Cứu Thế
Đều nói Pháp **Vô Cấu** (không nhơ bẩn)
Đến Niết Bàn vắng lặng"
Chân Ngôn là:
**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Ám"**
*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ AṂ

6) Lại đem hai tay Định Tuệ hợp cùng nhau, duỗi bung các ngón tay rộng ra giống như hình **Kiện Tra** (Ghaṃṭa: cái chuông) Hai Địa Luân (2 ngón út) hai Không Luân (2 ngón cái) cùng giữ nhau, khiến cho Hỏa Phong Luân (ngón giữa và ngón trỏ) hòa hợp .

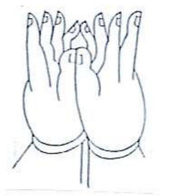

Tụng là:

"**Cát Tường Nguyện Liên Hoa** (Śrī-vara-padma)
Chư Phật, Đấng Cứu Thế
Tòa Kim Cương bất hoại
Giác ngộ gọi là Phật
Bồ Đề với Phật Tử
Thảy đều từ đấy sinh"
Chân Ngôn là:
**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A"**
*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ AḤ

7) Lại dùng 2 tay Định Tuệ, hướng năm Luân (5 ngón tay) ra ngoài nắm quyền, dựng đứng Hỏa Luân (Ngón giữa) duỗi hai Phong Luân (2 ngón trỏ) co lại như hình móc câu để bên cạnh Hỏa Luân (ngón giữa). Hư Không Địa Luân (ngón cái và ngón út) chỉ thẳng lên, Thủy Luân (ngón vô danh) giao hợp như Bạt Chiết La (Vajra: chày Kim Cương)

Tụng là:
"**Kim Cương Đại Tuệ Ấn** (Vajra-prajñā-mudra)
Hoại thành quách **Vô Trí** (Ajñāna: không có Trí)
Đánh thức kẻ say ngủ
Trời Người chẳng thể hoại"
Chân Ngôn là:
**"Nam ma tam mạn đa phạt chiết-la noản (1) Hàm"**
*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HŪṂ

8) Lại dùng 2 tay Định Tuệ, hướng năm Luân (5 ngón tay) vào trong nắm quyền. Dựng đứng Hỏa Luân (Ngón giữa) đặt hai Phong Luân (2 ngón trỏ) bên cạnh ngón giữa, cong đều 2 Hư Không Luân (2 ngón cái) song song nhau

Tụng là:
"Đây tức **Ma Ha Ấn** ( Mahā-mudra: Đại Ấn )
Ấy là **Như Lai Đỉnh** (Tathāgatoṣṇīṣa-mudra)
Vừa mới kết tác xong
Liền đồng với Thế Tôn"
Chân Ngôn là:
**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hàm hàm"**

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖮𑖳𑖽 𑖮𑖳𑖽
*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HŪṂ HŪṂ

9) Lại dùng tay Trí Tuệ (tay phải) nắm quyền đặt ở My Gian (Tam Tinh)

Tụng là:
"Đây là **Hào Tướng Tạng** (Ūrṇā-kośa)
Phật thường Mãn Nguyện Ấn
Do mới kết Ấn này
Liền đồng Nhân Trung Thắng"
Chân Ngôn là:
**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A ngận nhược"**
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖀𑖾 𑖮𑖽 𑖕𑖾
*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ AḤ HAṂ JAḤ

10) Trụ Du Già Tọa, tương ứng với việc ôm bình bát. Đem tay Định Tuệ cùng để ngay lỗ rốn. Đấy gọi là **Thích Ca Mâu Ni Đại Bát Ấn** (Śākyamuṇi-mahā-patra-mudra)

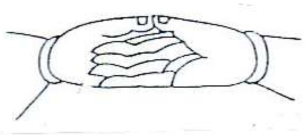

Chân Ngôn là:
**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Bà**
𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖥𑖾
*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ BHAḤ

11) Tiếp, lại dùng tay Trí Tuệ (tay phải) hướng lên trên làm hình Thí Vô Úy (Abhayṃdāda-mudra: Thí Vô Úy Ấn)

Tụng là:
"Hay ban sự Vô Úy (Abhayaṃ: không sợ hãi)
Cho các loại chúng sinh
Nếu kết Đại Ấn này
Là bậc Thí Vô Úy"
Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tát bà tha (2) nhĩ na nhĩ na (3) bội dã xa na (4) toa ha (5)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ SARVATHĀ JINA JINA _ BHAYA NĀŚANA_ SVĀHĀ

12) Tiếp, lại dùng tay Trí Tuệ (tay phải) rũ xuống làm hình Thí Nguyện (Varada)

Tụng là:
**"Dữ Nguyện Ấn** (Varada-mudra ) như vậy
Điều **Thế y** (thầy thuốc của đời) đã nói
Vừa mới kết Ấn này
Chư Phật mãn nguyện ấy"
Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Phộc la na, phạt chiết-la đát-ma ca (2) toa ha"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ VARADA VAJRA-ATMAKA _ SVĀHĀ

13) Tiếp, lại dùng Tay Trí Tuệ (tay phải) nắm quyền, duỗi Phong Luân (ngón trỏ) làm hình **Tỳ Câu Chi** (Bhṛkuṭi: nhăn mày) trụ ở **Đẳng Dẫn** (Samāhita)

Tụng là:
"Dùng Đại Ấn như vậy
Chư Phật, Tôn Cứu Thế
Khủng bố các điều chướng
Tùy ý thành **Tất Địa** (Siddhi)
Bởi vì kết Ấn đó
Chúng Ma Quân đại ác
Với loài gây chướng khác
Hết thảy phải chạy tan"
Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Ma ha mạt la phộc để (2) nại xa phộc lộ ốt-bà phệ (3) ma ha muội đát-lý-dã, tỳ dữu ốt- nghiệt để (4) toa ha"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ MAHĀ-BALA-VATI_ DAŚA-BALA UDBHAVE_ MAHĀ-MAITRYA ABHYUDGATE_ SVĀHĀ

14) Tiếp, lại dùng tay Trí Tuệ (tay phải) nắm quyền, duỗi Hỏa Luân (ngón giữa ) Thủy Luân (ngón vô danh), đặt Hư Không Luân (ngón cái) bên dưới các ngón ấy.

Tụng là:
"Đây là **mắt Bi Sinh** (Kāruṇodbhava-cakṣu-mudra: Bi Sinh Nhãn Ấn)
Của chư Phật, Thế Y
Tưởng đặt nơi **Nhãn Giới** (Cakṣu-dhātu)
Bậc Trí thành **mắt Phật** (Buddha-cakṣu)"
Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Già già na, phộc la lạc cật-sái ninh (2) ca lỗ ninh, ma gia (3) Đát tha nghiệt đa, chước cật-sô (4) toa ha"**

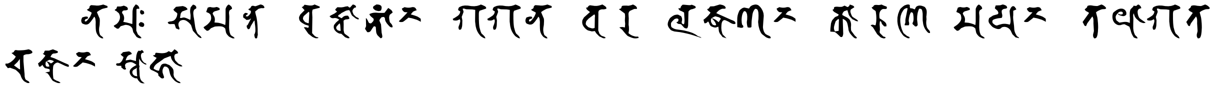

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ GAGANA VARA LAKṢAṆA KĀRUṆI-MAYA_ TATHĀGATA-CAKṢU_ SVĀHĀ

15) Tiếp, lại dùng tay Định Tuệ, hướng năm Luân (5 ngón tay) vào trong nắm quyền, duỗi Luân Phong (ngón trỏ) co tròn cùng hợp nhau.

Tụng là:
"Đây **Thắng Nguyện Sách Ấn**
Hoại các kẻ tạo ác
Bậc Chân Ngôn kết nó
Hay trói nhóm **Bất Thiện** (Akuśala)"
Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hệ hệ ma ha bá xa (2) bát-la sa lao na-lý-dã (3) tát đỏa đà đổ (4) vi mô ha ca (5) Đát tha nghiệt đa địa mục cật-để nễ xã đa (6) toa ha (7)"**

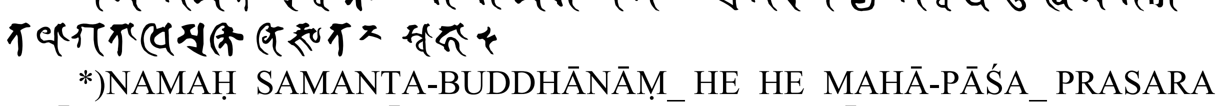

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HE HE MAHĀ-PĀŚA_ PRASARA UDĀRYA SATVA-DHĀTU VIMOHAKA_ TATHĀGATA ADHIMUKTI NIRJĀTA_ SVĀHĀ

16) Tiếp, lại dùng tay Định Tuệ hợp một nắm quyền, Duỗi Phong Luân của tay Trí Tuệ (ngón trỏ phải) co lóng thứ ba giống như cái vòng.

Tụng là:
"Như vậy là **Câu Ấn** (Aṃkuśa-mudra)
Chư Phật, Đấng Cứu Thế
Triệu tập nơi tất cả
Trụ ở **mười Địa Vị** (Daśa-bhūmi)
Bậc Bồ Đề Đại Tâm
Với chúng sinh ác tưởng"
Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A tát bà đát-la bát-la để ha đế (2) Đát tha nghiệt đảng củ xa (3) bồ đề chiết lý-gia, bát-lý bố la ca (4) toa ha (5)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ AḤ SARVATRA APRATIHATE TATHĀGATA-AṂKUŚA BODHI-CĀRYA PARIPŪRAKA_ SVĀHĀ

17) Ngay Câu Ấn này, duỗi Hỏa Luân (ngón giữa) rồi hơi co lại. Đây là **Như Lai Tâm Ấn** (Tathāgata-citta-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Nhưỡng nộ ốt-bà phộc (2) toa ha (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ JÑĀNA-UDBHAVA _ SVĀHĀ

18) Tiếp, lại dùng Ấn này duỗi Thủy Luân (ngón vô danh) dựng đứng thẳng lên thì gọi là **Như Lai Tề** (cái rốn của Như Lai) **Ấn**

Chân Ngôn ấy là

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A một-lật đổ ốt-bà phộc (2) toa ha"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ AMṚTA-UDBHAVA_ SVĀHĀ

19) Liền dùng Ấn này, duỗi thẳng Thủy Luân (ngón vô danh) còn bao nhiêu cũng cho đứng thẳng thì gọi là **Như Lai Yêu** (eo lưng của Như Lai) **Ấn**.

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đát tha nghiệt đa tam bà phộc (2) toa ha"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ TATHĀGATA SAṂBHAVA _ SVĀHĀ

20) Lại chắp hai tay Định Tuệ sao cho giữa trống không (Không Tâm Hợp Chưởng) co hai Phong Luân (2 ngón trỏ) vào bên trong, hai Thủy Luân (2 ngón vô danh) cũng vậy. Hơi co hai Địa Luân (2 ngón út) rồi duỗi Hỏa Luân (ngón giữa). Đây là **Như Lai Tạng** An (Tathàgata-garbha-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tát bà đát tha nghiệt đế tệ (1) lam lam lạc lạc (2) toa-phộc ha"**

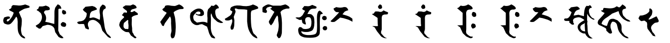

*)NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ _ RAṂ RAṂ_ RAḤ RAḤ_ SVĀHĀ

21) Liền dùng Ấn này, bung Thủy Luân (ngón vô danh) hướng lên trên thì gọi là **Đại Giới Ấn** (Mahā-dhātu-mudra)

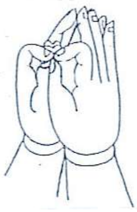

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Lệ lỗ bổ lý, vi củ lệ (2) toa ha (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ LELLUPURI VIKULE_ SVĀHĀ

22) Liền dùng Ấn này, hai Hỏa Luân (ngón giữa) co cong móc hợp cùng nhau, duỗi bung Phong Luân (ngón trỏ) thì gọi là **Vô Kham Nhẫn Đại Hộ Ấn** (Akṣānti-mahā-pāla- mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tát bà đát tha nghiệt đế tệ (1) Tát bà bội dã vi nghiệt đế tệ (2) Vi thấp-phộc mục khế tệ (3) Tát bà tha (4) hàm khiếm (5) la cật-sái, ma ha mạt lệ (6) Tát bà đát tha nghiệt đa bản nê-dã, ninh xã để (7) hàm hàm (8) đát-la tra đát-la tra (9) a bát-la để ha đế (10) toa ha (11)’**

*)NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ_ SARVA BHAYA VIGATEBHYAḤ_ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ_ SARVATHĀ HAṂ KHAṂ RAKṢA MAHĀ-BALE_ SARVA TATHĀGATA-PUṆYA NIRJĀTE_ HŪṂ HŪṂ_ TRĀṬ TRĀṬ_ APRATIHATE_ SVĀHĀ

23) Lại bung duỗi Phong Luân (ngón trỏ), kèm Không Luân (ngón cái) nhập vào bên trong thì gọi là **Phổ Quang Ấn** (Samanta-jvāla-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Nhập-phộc la ma lý nễ (2) đát tha nghiệt đa lật-chỉ (3) toa ha (4)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ JVĀLA-MĀLINI TATHĀGATA-ARCI_ SVĀHĀ

24) Lại dùng tay Định Tuệ tác Không Tâm Hợp Chưởng, đem Phong Luân (ngón trỏ) giữ bên cạnh Hỏa Luân (Ngón giữa) thì gọi là **Như Lai Giáp Ấn** (Tathāgata-kavaca-mudra)

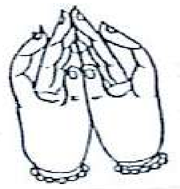

* ) Chân Ngôn của áo giáp Như Lai (Như Lai Giáp Chân Ngôn):

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ PRACAṆḌDA-VAJRA JVĀLA VISPHURA_ HŪṂ

25) Co hai Thủy Luân (2 ngón vô danh), 2 Không Luân (2 ngón cái) hợp lại nhập vào lòng bàn tay đè trên 2 Thủy Luân. Đây là **Như Lai Thiệt Tướng** (cái lưỡi của Như Lai) **Ấn** (Tathāgata-jihva-mudra)

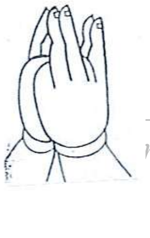

Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đát tha nghiệt đa nhĩ ha-phộc (2) tát để-dã đạt ma bát-la sắt xỉ đa (3) toa ha (4)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ TATHĀGATA-JIHVA SATYA-DHARMA PRATIṢṬITA _ SVĀHĀ

26) Dùng Ấn này, khiến Phong (ngón trỏ) Thủy Luân (ngón vô danh) co lại vịn nhau. Hướng Không Luân (ngón cái) lên trên rồi hơi co lại. Dựng thẳng Hỏa Luân (ngón giữa) hợp nhau, Địa Luân (ngón út) cũng như vậy thì gọi là **Như Lai Ngữ Môn Ấn** (Tathāgata-mahā-vāktra- mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đát tha nghiệt đa ma ha phộc cật-đát-la (2) vi thấp-phộc nhưỡng nẵng ma hộ na dã (3) toa ha (4)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ TATHĀGATA MAHĀ-VĀKTRA VIŚVA-JÑĀNĀṂ MAHODAYA_ SVĀHĀ

27) Như Ấn trước, co 2 Phong Luân (2 Ngón trỏ) vào lòng bàn tay rồi hướng lên trên. Đây gọi là **Như Lai Nha** (Răng nanh của Như Lai) **Ấn** (Tathāgata-daṃṣṭra-mudra)

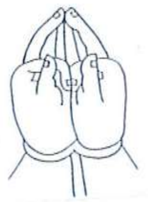

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đát tha nghiệt đa năng sắt-tra-la (2) la sa la sa khất-la (3) tham bát-la bác ca (4) Tát bà đát tha nghiệt đa (5) vi sái dã, tham bà phộc (6) toa ha (7)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ TATHĀGATA-DAṂṢṬRA_ RASA RASA AGRA SAṂPRĀPAKA _ TATHĀGATA-VIṢAYA SAṂBHAVA_ SVĀHĀ

28) Lại như tướng Ấn trước, đem 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) hướng lên trên rồi cong lóng thứ ba. Đây là **Như Lai Biện Thuyết Ấn**.

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A chấn để-dã ná-bộ đa (2) Lộ ba phộc tam ma đá, bát-la bát-đa (3) vi thâu đà sa-phộc la (4) toa ha"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ ACINTYA ADBHUTA RŪPA VĀK SAMANTA-PRĀPTA VIŚUDDHA-SVARA_ SVĀHĀ

29) Lại nữa, chắp tay Định Tuệ thành Không Tâm Hợp Chưởng, 2 Địa Luân (ngón út) Không Luân (ngón cái) co vào hợp nhau. Đây là **Như Lai Trì Thập Lực Ấn** (Tathāgata-daśabalāṃga-dhāra-mudra)

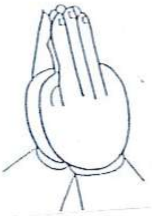

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Nại xa ma lãng già đạt la (2) hàm tham nhiêm (3) toa ha (4)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ DAŚA-BALĀṂGA-DHĀRA_ HŪṂ SAṂ JAṂ _ SVĀHĀ

30) Lại như Ấn trước, đem 2 Không Luân (2 ngón cái) Phong Luân (ngón trỏ) co lóng trên hợp cùng nhau. Đấy là **Như Lai Niệm Xứ Ấn** (Tathāgata-smṛti-mudra)

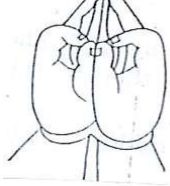

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đát tha nghiệt đa sa-ma-lật để (2) tát đỏa hệ đá tệ ốt nghiệt đa (3) già già na tảm mang tảm ma (4) toa ha (5)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ TATHĀGATA-SMṚTI SATVA HĪTA ABHYUDGATA_ GAGANA SAMA ASAMA_ SVĀHĀ

31) Lại như Ấn trước, đặt 2 Không Luân (2 ngón cái) bên trên Thủy Luân (ngón vô danh). Đây là **Nhất Thiết Pháp Bình Đẳng Khai Ngộ Ấn** (Sarva dharma- samata- bodhi- mudra)

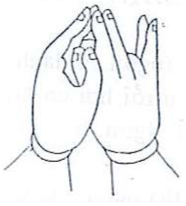

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tát bà đạt ma tam ma đá bát-la bát-đa (2) đát tha nghiệt đá nỗ nghiệt đa (3) toa ha (4)"**

[illegible]

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ SARVA DHARMA SAMATĀ PRĀPTA_ TATHĀGATA ANUGATA_ SVĀHĀ

32) Lại hợp 2 tay Định Tuệ làm một. Đặt 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) lên 2 hỏa Luân (2 ngón giữa), các Luân còn lại như trước. Đây là **Phổ Hiền Như Ý Châu Ấn** (Samanta-bhadra-cintāmaṇi-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tham ma đá nỗ nghiệt đa (2) vi la nhạ đạt ma nễ xã đa (3) ma ha ma ha (4) toa ha (5)"**

[illegible]

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ SAMANTA ANUGATA VIRAJA DHARMA NIRJĀTA_ MAHĀ MAHĀ _SVĀHĀ

33 ) Ngay Hư Tâm Hợp Chưởng này, co 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) đặt bên dưới Hỏa Luân (ngón giữa) Các Luân còn lại như trước. Đây là **Từ Thị Ấn** (Maitreya-mudra)

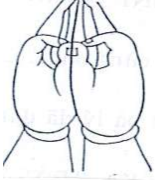

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A nnĩ đan nhược dã (2) tát bà tát đỏa xa dạ nỗ nghiệt đa (3) toa ha (4)"**

[illegible]

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ AJITAṂ JAYA_ SARVA SATVA AŚAYA ANUGATA_ SVĀHĀ

34) Lại như Ấn trước, đưa 2 Hư Không Luân (ngón cái) vào bên trong. Đây là **Hư Không Tạng Ấn** (Ākāśa-garbha-mudra)

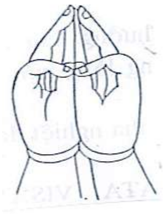

Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A ca xa tham ma đá nỗ nghiệt đa (2) vi chất đát-lam, phộc la đạt la (3) toa ha (4)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ ĀKĀŚA SAMANTA ANUGATA VICITRAṂ VARA DHARA_ SVĀHĀ

35) Lại như Ấn trước, co 2 Thủy Luân (2 ngón vô danh) 2 Địa Luân (2 ngón út) vào trong lòng bàn tay, 2 Không Luân (2 ngón cái) Hỏa Luân (ngón giữa) hợp cùng nhau. Đây là **Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Ấn** (Sarva Nīvaraṇa-viṣkaṃbhin-mudra)

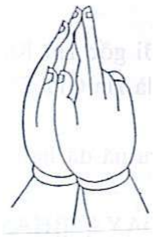

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A tát đóa hệ đa tệ ốt nghiệt đa (2) đát-lam (3) lam lam (4) toa ha (5)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ AḤ SATVA-HĪTA ABHYUDGATE_ TRAṂ TRAṂ RAṂ RAṂ_ SVĀHĀ

36) Như trước, đem 2 tay Định Tuệ hợp cùng nhau, bung duỗi 5 Luân (5 ngón tay) giống như hình cái chuông ngửa, hòa hợp Hư Không (ngón cái) Địa Luân (ngón út) cùng giữ nhau làm thành hình hoa sen. Đây là **Quán Tự Tại Ấn** (Avalokiteśvara-mudra)

Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tát bà đát tha nghiệt đá phộc lộ cát đa (2) yết lỗ ninh ma dã (3) la la la hàm nhược (4) toa ha (5)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ SARVA TATHĀGATA AVALOKITA KĀRUṆI-MAYA_ RA RA RA HŪṂ JAḤ_ SVĀHĀ

37) Như trước, dùng tay Định Tuệ tác Không Tâm Hợp Chưởng giống như hoa sen chưa hé nở. Đây là **Đắc Đại Thế Ấn** (Mahā-sthāma-prāpta- mudra)

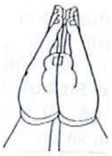

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Nhiêm nhiêm sa (2) toa ha (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ JAṂ JAṂ SAḤ_ SVĀHĀ

38) Như trước, dùng tay Định Tuệ hướng 5 Luân (5 ngón tay) vào trong thành quyền, nhấc 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) giống như mũi kim nhọn, để 2 Hư Không Luân (2 ngón cái) lên Phong Luân (ngón trỏ) Đây là **Đa La Tôn Ấn** (Tārā-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đá lệ đá lý nê (2) yết lộ noa ốt-bà phệ (3) toa ha (4)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ TĀRE TĀRIṆI KĀRUṆA-UDBHAVE_ SVĀHĀ

39) Như Ấn trước, nhấc 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) so le áp cùng nhau. Đây là **Tỳ Câu Chi Ấn** (Bhṛkuṭi-mudra)

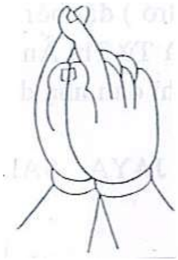

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tát bà bội dã đát-la tán nễ (2) hàm sa-phả tra dã (3) toa ha (4)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ SARVA BHAYA TRĀSANI HŪṂ SPHAṬYA_ SVĀHĀ

40) Như trước đem 2 tay Định Tuệ tác Không Tâm Hợp Chưởng, đưa Thủy Luân (ngón vô danh) Không Luân (ngón cái) vào trong lòng bàn tay. Đây là **Bạch Xứ Tôn Ấn** (Pāṇḍara-vāsinī-mudra)

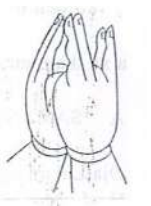

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đát tha nghiệt đa vi sái dã tam bà phệ (2) bát đàm-ma mang lý nễ (3) toa ha (4)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ TATHĀGATA-VIṢAYA SAṂBHAVE PADMA-MĀLINI_ SVĀHĀ

41) Như Ấn trước, co 2 Phong Luân (2 Ngón trỏ) đặt dưới gốc Hư Không Luân (ngón cái) cách nhau giống như hạt lúa mạch. Đây là **Hà Gia Yết Lý Phộc Ấn** (Hayagrīva-mudra)

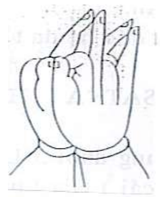

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Khư ná dã bạn nhược sa-phá tra dã (2) toa ha (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HŪṂ KHĀDAYA BHAṂJA SPHAṬYA_ SVĀHĀ

42) Như Ấn trước, duỗi 2 Thủy Luân (2 ngón vô danh) Phong Luân (ngón trỏ), các Luân còn lại như nắm Quyền. Đây là **Địa Tạng Bồ Tát Ấn** (Kṣiti-garbha-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Ha ha ha (2) tố đát nỗ (4) toa ha (4)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_HA HA HA SUTANU_ SVĀHĀ

43) Lại chắp 2 tay Định Tuệ thành Không Tâm Hợp Chưởng. Hỏa Luân (ngón giữa) Thủy Luân (ngón vô danh) giao kết cùng giữ nhau, đặt 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) trên 2 Hư Không Luân (2 ngón cái) như hình móc câu, các Luân còn lại như trước. Đây là **Thánh Giả Văn Thù Sư Lợi Ấn** (Ārya Mañjuśrī- mudra)

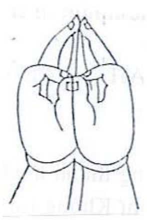

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hệ hệ, củ mang la (2) vi mục cật-để, bát tha tất-thể đa (3) sa-ma la sa-ma la (4) bát-la để nhiên (5) toa ha (6)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HE HE KUMĀRAKA VIMUKTI PATHĀ STHITA_ SMARA SMARA PRATIJÑĀ _ SVĀHĀ

44) Dùng tay Tam Muội (bàn tay trái) nhấc nghiêng Phong Luân (ngón trỏ) lên giống như hình móc câu. Đây là **Quang Võng Câu Ấn** (Jālinī-prabhāṃkuśa- mudra)

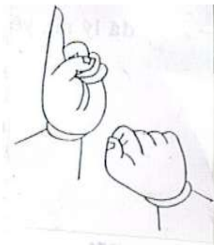

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hệ hệ, củ mang la (2) mang gia nghiệt đa, sa-phộc bà phộc tất-thể đa (3) toa ha (4)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HE HE KUMĀRA MĀYĀGATA_ SVABHĀVA STHITA_ SVĀHĀ

45) Liền như Ấn trước, tướng tất cả Luân đều hơi co lại. Đây là **Vô Cấu Quang Ấn** (Vimala-prabha-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hệ củ mang la (2) vi chất đát-la nghiệt để, củ mang la (3) ma nỗ sa-ma la (4) toa ha (5)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HE KUMĀRA_ VICITRA GATI_ KUMĀRAM- ANUSMARA_ SVĀHĀ

46) Như trước, Tay Trí Tuệ (bàn tay phải) nắm quyền, Phong (ngón trỏ) Hỏa Luân (ngón giữa) hợp nhau làm một rồi duỗi ra. Đây là **Kế Thiết Ni Đao Ấn** (Keśinī-khaḍga-mudra)

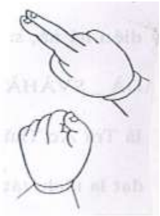

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hệ hệ củ mang lý kế (2) ná gia nhưỡng nan sa-ma la (3) bát-la để nhiên (4) toa ha (5)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HE HE KUMĀRIKE DAYĀJÑĀNĀṂ _ SMARA PRATIJÑAṂ_ SVĀHĀ

47) Như trước, tay Trí Tuệ (tay phải) nắm quyền, duỗi Hỏa Luân (ngón giữa) giống như hình cây Kích. Đây là **Ưu Bà Kế Thất Ni Kích Ấn** (Upakeśini-praharaṇa-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tần ná dạ nhưỡng nan (2) Hệ củ mang mang lý kế (3) toa ha (4)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_BHINDHAYA AJÑĀNĀṂ_ HE KUMĀRIKE_ SVĀHĀ

48) Như trước, tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền, duỗi Thủy Luân (ngón vô danh) Địa Luân (ngón út). Đây là **Địa Tuệ Tràng Ấn** (Vasu-matī-ketu-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1)  Hệ sa-ma la nhưỡng na kế đổ (2) toa ha (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_HE SMARA JÑĀNA-KETU_ SVĀHĀ

49) Dùng tay Tuệ (tay phải) nắm quyền, duỗi Phong Luân (ngón trỏ) như hình móc câu. Đây là **Thỉnh Triệu Đồng Tử Ấn** (Ākarṣaṇa-kumāra-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A yết la-sái dã tát noan (2) củ lỗ, a nhiên (3) củ mang la tả (4) toa ha (5)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ ĀKARṢAYA SARVA KURU AJÑAṂ KUMĀRASYA_ SVĀHĀ

50) Như trước, đem 2 tay Định Tuệ nắm quyền, duỗi Phong Luân (ngón trỏ) co lóng đầu hợp lại. Đây là **Chư Phụng Giáo Giả Ấn** (Parivara-mudra)

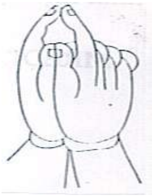

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A vi sa-ma dã ninh  duệ (2) toa ha (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ AḤ VISMAYANĪYE _ SVĀHĀ

51) Như trước , đem tay Định Tuệ nắm quyền, duỗi Hỏa Luân (ngón giữa) co lóng thứ ba. Đây là **Trừ Nghi Quái Kim Cương Ấn** (Kauṭūhala-vajra-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) vi ma để xế  nặc ca (2) toa ha (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ VIMATI CCHEDAKA_ SVĀHĀ

52) Nhấc tay Tỳ Bát xả Na (tay phải) làm tay Thí Vô Úy. Đây là **Thí Vô Úy Giả Ấn** (Abhayaṃdāda_mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A bội diên ná ná (2) toa ha (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ ABHAYAṂDĀDA _ SVĀHĀ

53) Như trước, duỗi Tay Trí (tay phải) nâng cao lên. Đây là **Trừ Ác Thú Ấn** (Apāyaṃjaha-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) A tệ đạt la ninh, tát đỏa đà đôn (2) toa ha (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ ABHYUD-DHARAṆI SATVA-DHĀTU_ SVĀHĀ

54) Như trước, đem tay Tuệ (tay phải) che trái tim. Đây là **Cứu Hộ Tuệ Ấn** (Paritrāṇāśaya-mati-mudra)

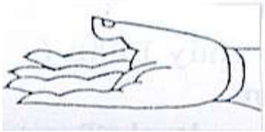

Chân Ngôn ấy là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hệ ma ha ma ha (2) sa-ma la bát-la để nhiên (3) toa ha (4)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HE MAHĀ MAHĀ _ SMARA PRATIJÑAṂ_ SVĀHĀ

55) Như trước, dùng tay Tuệ (tay phải) làm như dạng cầm hoa. Đây là **Đại Từ Sinh Ấn** (Mahā-maitryābhyudgata-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Sa-phộc chế đố ốt-nghiệt đa (2) toa ha (3)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ SVACITTA UDGATA_ SVĀHĀ

56) Như trước, đem tay Tuệ (tay phải) che úp trái tim, hơi co Hỏa Luân (ngón giữa). Đây là **Bi Niệm Giả Ấn** (Kāruṇa-mṛḍita-mati-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Yết lỗ ninh một-lệ nê đa (2) toa ha (3)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ KĀRUṆA-MṚḌITA_ SVĀHĀ

57) Như trước, dùng Tay Tuệ (tay phải) làm tướng Thí Nguyện. Đây là **Trừ Nhất Thiết Nhiệt Não Ấn** (Sarvadaha-praśamin-mudra)

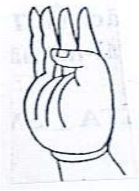

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hệ phộc la na (2) phộc la bát-la bát-đa (3) toa ha (4)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HE VARADA_ VARA PRĀPTA_ SVĀHĀ

58) Như trước, dùng tay Trí Tuệ (tay phải) làm hình tướng như cầm giữ Báu Chân Đà Ma Ni. Đây là **Bất Tư Nghị Tuệ Ấn** (Acintya-mati-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tát ma xá bát lý bố la (2) toa ha (3)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ SARVA ĀŚA PARIPŪRAKA_ SVĀHĀ

59) Như trước, đem tay Định Tuệ nắm quyền, khiến 2 Hỏa Luân (2 ngón giữa) mở bày ra. Đây là **Địa Tạng Kỳ** (lá cờ) **Ấn**.

Chân Ngôn ấy là:
**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Ha ha ha vi sa-ma duệ (2) toa ha (3)"**
*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HA HA HA VISMAYE_ SVĀHĀ

60 ) Dùng tay Tuệ (tay phải) nắm quyền, duỗi 3 luân (út, vô danh, giữa) Đây là **Bảo Xứ Ấn** (Ratnākara-mudra)

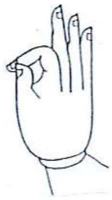

Chân Ngôn ấy là:
**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hệ ma ha ma ha (2) toa ha (3)"**
*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HE MAHĀ MAHĀ _ SVĀHĀ

61) Dùng tay Tuệ (tay phải) này, duỗi Thủy Luân (ngón vô danh). Đây là **Bảo Thủ Bồ Tát Ấn** (Ratnapāṇi-bodhisatva-mudra)

Chân Ngôn ấy là:
**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tát đát-nộ ốt-bà phộc (2) toa ha (3)"**
*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ RATNA-UDBHAVA _ SVĀHĀ

62) Đặt tay Định Tuệ cho chúng đâu lưng với nhau. Không Luân của tay Định (ngón cái trái) giao cài với Địa Luân của tay Tuệ (ngón út phải). Bát Nhã (tay phải) ở trên Tam Muội (tay trái), còn lại giống như hình Bạt Chiết La (Vajra: chày Kim Cương). Đây là **Trì Địa Ấn** (Dharaṇiṃdhāra- mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đạt la ni đạt la (2) toa ha (3)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ DHARAṆI-DHĀRA _ SVĀHĀ

63) Như trước, làm hình Ngũ Cổ Kim Cương Kích. Đây là **Bảo Ấn Thủ Ấn** (Ratnamudra-hasta-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) La đát-ná nễ lạt-nhĩ đa (2) toa ha (3)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ RATNA NIRJĀTA _ SVĀHĀ

64) Liền dùng Ấn này, khiến cho tất cả Luân (các ngón tay) cùng hợp nhau. Đây là **Phát Kiên Cố Ý Ấn** (Dṛḍhādhyaśaya-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) phạt chiết-la tam bà phộc (2) toa ha (3)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ VAJRA SAṂBHAVA _ SVĀHĀ

65) Như trước, dùng tay Định Tuệ làm cây Đao. Đây là **Hư Không Vô Cấu Bồ Tát Ấn** (Ākāśa-vimala- bodhisatva-mudra, hay Gaganāmala-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Già già ná nan đa ngu giả la, toa ha”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ GAGANA ANANTA GOCARA _ SVĀHĀ

66) Như Luân Ấn trước, đây là **Hư Không Tuệ Ấn** (Gagana-mati-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Chước cật-la phộc lạt-để (2) toa ha (3)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ CAKRA-VARTTI_ SVĀHĀ

67) Như Ấn Thương Khư (Śaṅkha: Loa Ấn) lúc trước là **Thanh Tĩnh Tuệ Ấn** (Viśuddhi-mati-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Đạt ma tam bà phộ (2) toa ha (3)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ DHARMA SAṂBHAVA _ SVĀHĀ

68) Như Ấn Liên Hoa lúc trước là **Hành Tuệ Ấn** (Cāritra-mati-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Bát đàm-ma la gia (2) toa ha (3)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ PADMA-ALAYA_ SVĀHĀ

69) Đồng với Thanh Liên Hoa Ấn lúc trước, hơi hé mở là **An Trụ Tuệ Ấn** (Sthira-mati-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Nhưỡng nỗ ốt-bà phộc (2) toa ha (3)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ JÑĀNA-UDBHAVA _ SVĀHĀ

70) Như trước, đem 2 tay hợp nhau, co Thủy Luân (ngón vô danh) cùng giao nhau trong bàn tay, 2 Hỏa Luân (2 ngón giữa ) Địa Luân (ngón út) hướng lên trên cùng giữ nhau , duỗi Phong Luân (ngón trỏ) co lóng thứ ba sao cho đừng chạm nhau giống như hạt lúa mạch. Đây là **Chấp Kim Cương Ấn** (Vajradhāra-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa phạt chiết-la noản (1) Chiến noa ma ha lộ xã noa, hàm (2)”**

*) NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀṂ _ CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA HŪṂ

71) Như Ấn trước, co 2 Không Luân (2 ngón cái) Địa Luân (ngón út) vào trong lòng bàn tay . Đây là **Mang Mãng Kê Ấn** (Māmakī-mudra)

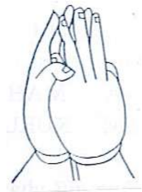

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa phạt chiết-la noản (1) Đát-lật tra đát-lật tra (2) nhược diễn để, toa ha (2)”**

*) NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀṂ_ TRIṬA TRIṬA JAYANTI_ SVĀHĀ

72) Như trước, dùng tay Định Tuệ, đặt các Luân ngược lưng đan chéo nhau, hướng vào thân mình mà xoay chuyển sao cho Không Luân của Bát Nhã (ngón cái phải) để trên Không Luân của Tam Muội (ngón cái trái) Đây là **Kim Cương Tỏa Ấn** (Vajra-śṛṅkhala-mudra)

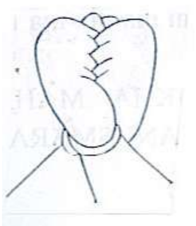

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa phạt chiết-la noản (1) hàm, mãn đà mãn đa (2) mộ tra gia mộ tra gia (3) phộc chiết-lộ ốt-bà phệ (4) tát bà đát-la bát-đa để ha đế (5) toa ha (6)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀṂ_ HŪṂ BANDHA BANDHAYA_ MOṬA MOṬAYA_ VAJRA-UDBHAVE _ SARVATRA APRATIHATE _ SVĀHĀ

73) Dùng Kim Cương Tỏa Ấn này, hơi co Hư Không Luân (ngón cái) để giữ Phong Luân (ngón trỏ) sao cho đừng chạm nhau. Đây là **Phẫn Nộ Nguyệt Yểm Ấn** (Krodha-candratilaka-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa phạt chiết-la noản (1) Hạt-lợi hàm phát-tra (2) toa ha (3)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀṂ_ HRĪṂ HŪṂ PHAṬ_ SVĀHĀ

74) Như trước, dùng tay Định Tuệ nắm quyền, dựng thẳng 2 Phong Luân (2 ngón trỏ) cùng giữ nhau. Đây là **Kim Cương Châm Ấn** (Vajrasūci-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa phạt chiết-la noản (1) Tát bà đạt ma nãi phệ đạt nễ (2) phạt chiết-la tố chỉ phộc la nê (3) toa ha (4)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀṂ_ SARVA DHARMA NIRVEDHANI VAJRA-SŪCI VARADE_ SVĀHĀ

75) Như trước, dùng tay Định Tuệ nắm quyền rồi đặt ở trái tim. Đây là **Kim Cương Quyền Ấn** (Vajra-muṣṭi-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa phạt chiết-la noản (1) Tát-phá tra dã, phạt chiết-la tam bà phệ (2) toa ha (3)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀṂ_ SPHAṬAYA VAJRA-SAṂBHAVE_ SVĀHĀ

76) Dùng Tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền, nhấc cùi chỏ lên hơi hở. Tay Tuệ (tay phải) cũng nắm quyền rồi duỗi Phong Luân (ngón trỏ) như hình giận dữ đánh nhau. Đây là **Vô Năng Thắng Ấn** (Aparājita-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa phạt chiết-la noản (1) Nột đạt lý-sa ma ha lô sái noa (2) khư nại gia, tát noan đát tha nghiệt đan nhiên củ lỗ (3) toa ha (4)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀṂ_ DURDHAṢA MAHĀ-ROṢAṆA KHĀDAYA_ SARVAṂ TATHĀGATA-AJÑAṂ KURU_ SVĀHĀ

77) Dùng tay Định Tuệ nắm quyền làm thế kích nhau để cùng giữ nhau. Đây là **A Tỳ Mục Khư Ấn** (Abhimukha-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa phạt chiết-la noản (1) Hệ a tỳ mục khư ma ha bát-la chiến noa (2) khư ná dã, khẩn chỉ la dã tỉ (3) tam ma gia ma nỗ tát-ma la (4) toa ha (5)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀṂ _ HE ABHIMUKHA MAHĀ-PRACAṆḌA KHĀDAYA KIṂCIRĀYASI SAMAYAM-ANUSMARA_ SVĀHĀ

78) Như tướng ôm Bình Bát lúc trước là **Thích Ca Bát Ấn** (Śākya-patra-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Tát phộc cật-lệ xa nễ tố nại ni (2) tát bà đạt ma phộc thủy đa bát-la bát-đa (3) già già na tam mê (4) toa ha (5)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ SARVA KLEŚA NIRSUDANA_ SARVA DHARMA VAŚITAḤ PRĀPTA_ GAGANA SAMA ASAMA_ SVĀHĀ

79) Như Thích Ca Hào Tướng Ấn bên trên, Lại dùng Tay Tuệ (tay phải) chụm các ngón lại, đặt trên đỉnh đầu. Đây là **Nhất Thiết Phật Đỉnh Ấn** (Sarva buddhoṣṇīṣa-mudra)

Chân Ngôn ấy là:

**“Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) noan noan (2) hàm hàm hàm , phát-tra (4) toa ha (5)”**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ VAṂ VAṂ_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ_ SVĀHĀ

80) Dùng tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền, duỗi Hỏa Phong Luân (ngón giữa và ngón trỏ), đem Hư Không (ngón cái) để trên Địa Thủy Luân (ngón út và ngón vô danh). Tay Trí Tuệ (tay phải) duỗi Phong Hỏa Luân (ngón trỏ và ngón giữa) đặt vào trong lòng bàn tay Tam Muội, cũng đem Hư Không (ngón cái) đặt trên Thủy Địa Luân (ngón vô danh và ngón út) như trụ ở túi đao. Đây là **Bất Động Tôn Ấn** (Acala-Nātha-mudra)

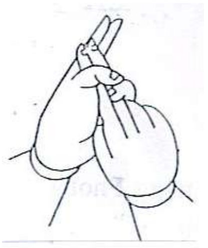

*)NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ_ SARVA MUKHEBHYAḤ_ SARVATHĀ TRAṬ CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA KHAṂ KHAHI KHAHI_ SARVA VIGHNA HŪṂ TRAṬ

81) Như Kim Cương Tuệ Ấn (Vajramati-mudra) lúc trước là **Giáng Tam Thế Ấn** (Trailokya-vijaya-mudra)

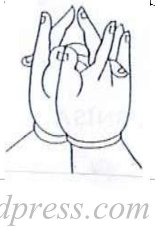

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀṂ_ HA HA HA VISMAYE _ SARVA TATHĀGATA-VIṢAYA SAṂBHAVE_ TRAILOKYA-VIJAYA HŪṂ JAḤ_ SVĀHĀ

82) Như trước , hợp 2 tay Định Tuệ thành một tướng, các Địa Thủy Luân (ngón út và ngón vô danh) đều hướng xuống dưới, duỗi Hỏa Luân (ngón giữa ) khiến chúng cùng hợp ngọn, 2 Phong Luân (ngón trỏ) để trên lóng thứ ba của Hỏa Luân (ngón giữa), 2 Hư Không Luân (2 ngón cái) đứng ngang nhau như hình 3 con mắt. Đây là **Như Lai Đỉnh Ấn** (Tathāgatoṣṇīṣa-mudra), Mẫu của Phật, Bồ Tát.

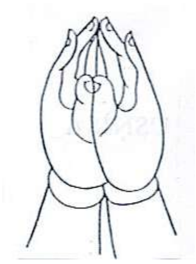

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ GAGANA VARA LAKṢAṆE GAGANA-SAMAYE_ SARVATĀ UDGATA ABHISĀRA SAṂBHAVE JVALANA AMOGHĀNĀṂ_ SVĀHĀ

83) Lại dùng Tay Tam Muội (tay trái) úp xuống rồi duỗi ra. Tay Tuệ (tay phải) nắm quyền rồi nhấc Phong Luân (ngón trỏ) lên giống như hình cái lọng. Đây là **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn** (Sitātapatroṣṇīṣa-mudra)

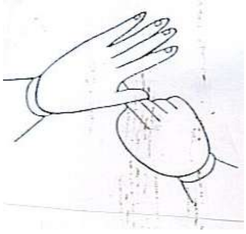

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ LAṂ_ SITĀTAPATRA-UṢṆĪṢA _ SVĀHĀ

84) Như Đao Ấn lúc trước là **Thắng Phật Đỉnh** Ấn (Jayoṣṇīṣa-mudra)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ ŚAṂ _ JAYA-UṢṆĪṢA _ SVĀHĀ

85) Như Luân Ấn lúc trước là **Tối Thắng Phật Đỉnh Ấn** (Vijayoṣṇīṣa-mudra)

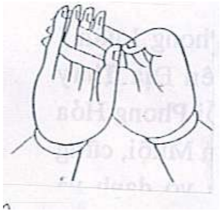

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ ŚISI_ VIJAYA-UṢṆĪSA _ SVĀHĀ

86) Như Câu Ấn lúc trước, Tay Tuệ (tay phải) nắm quyền nâng Phong Luân (ngón trỏ) lên rồi hơi co lại. Đây là **Trừ Nghiệp Phật Đỉnh Ấn** (Vikiraṇa-paṃcoṣṇīṣa-mudra)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HRŪṂ_ VIKIRAṂA PAṂCA-UṢṆĪṢA_ SVĀHĀ

87) Như Phật Đỉnh Ấn lúc trước là **Hỏa Tụ Phật Đỉnh Ấn** (Tejoraśi-uṣṇīṣa-mudra)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ TRĪṂ_ TEJORAŚI-UṢṆĪṢA _ SVĀHĀ

88) Như Liên Hoa Ấn lúc trước là **Phát Sinh Phật Đỉnh Ấn** (Abhyudgatoṣṇīṣa-mudra)

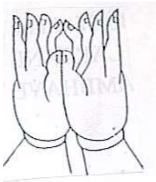

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ ŚRŪṂ _ UṢṆĪṢA_ SVĀHĀ

Như Ngũ Trí Kim Cương Ấn trước là **Quảng Sinh Phật Đỉnh Ấn** (Mahoṣṇīṣa-mudra)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ ṬRŪṂ _ UṢṆĪṢA_ SVĀHĀ

89) Như Thương Khư Ấn (Loa Ấn) lúc trước là **Vô Lượng Âm Thanh Phật Đỉnh Ấn** (Anantasvara-ghoṣa-uṣṇīṣa-mudra)

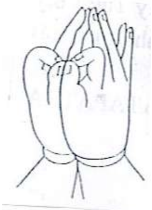

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HŪṂ JAYA _ UṢṆĪṢA _ SVĀHĀ

90) Dùng tay Trí Tuệ (tay phải) nắm quyền đặt ngay khoảng giữa 2 chân mày là **Chân Đà Ma Ni HàoTướng Ấn** (Cintāmaṇi-ūrṇā-mudra)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ VARADE VARA PRĀPTA HŪṂ_ SVĀHĀ

91) Như Phật Đỉnh Ấn lúc trước là **Phật Nhãn Ấn** (Buddha-cakṣu-mudra), lại có chút sai khác ấy là tướng tiêu biểu của Kim Cương (Kim Cương Tiêu Tướng)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ TATHĀGATA CAKSUR-VYĀVALOKAYA_ SVĀHĀ

92) Đặt tay Trí Tuệ (tay phải) tại trái tim như dạng cầm hoa sen. Duỗi thẳng cánh tay Sa Ma Tha (tay trái) hướng 5 Luân (5 ngón tay) lên trên duỗi ra và đưa hướng ra ngoài. Đây là **Vô Năng Thắng Ấn** (Aparājita-mudra)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HŪṂ DHRIṂ RIṂ JRIṂ_ SVĀHĀ

93) Tay Định Tuệ hướng vào bên trong nắm quyền, hướng 2 Hư Không Luân (2ngón cái) lên trên rồi co lại như cái miệng. Đây là **Vô Năng Thắng Minh Phi Ấn** (Aparājita-vidya-rājñi-mudra)

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ APARĀJITE JAYAṂTI TĀḌITE_ SVĀHĀ

94) Dùng tay Trí Tuệ (tay phải) nâng gò má là **Tự Tại Thiên Ấn** (Īśvara-mudra)

*)OṂ_ PURANITMA RATIBHYAḤ_ SVĀHĀ

95) Liền dùng Ấn này khiến Phong Hỏa Luân (ngón trỏ và ngón giữa) duỗi so le. Đây là **Phổ Hoa Thiên Tử Ấn** (Samanta-puṣpa-mudra, hay Samanta-kusuma-devaputra-mudra)

*)OṂ_ MAṆO RAMA DHARMA SAṂBHAVA_ KATHĀ KATHĀNA SAṂ SAṂ MABHANE_ SVĀHĀ

96) Như Ấn trước, đem Hư Không Luân (ngón cái) vào trong lòng bàn tay là **Quang Man Thiên Tử An** (Prabha-māla-devaputra-mudra, hay Raśmi-mālin-mudra)

*)OṂ_ JATUYASYANA_ SVĀHĀ

97) Đồng với Ấn trước, dùng Hư Không Luân (ngón cái) làm tướng cầm hoa là **Mãn Ý Thiên Tử Ấn** (Manojava-devaputra-mudra)

*)OṂ_ HANAṬISA_ SVĀHĀ

98) Dùng tay Định Tuệ, Hư Không Thủy Luân (ngón cái và ngón vô danh) cùng bấm nhau, Hỏa Phong Địa Luân (ngón giữa, ngón trỏ , ngón út) đều bung duỗi đem che nơi lỗ tai. Đây là **Biến Âm Thanh Thiên Ấn** (Ābhasvāra-deva-mudra, hay Svara-viśruti-deva-mudra)

*)OṂ_ ĀBHASVĀREBHYAḤ_ SVĀHĀ

99) Định Tuệ cùng hợp nhau, co tròn 2 Hư Không Luân (ngón cái) 4 Luân còn lại cũng như vậy. Đây là **Địa Thần Ấn** (Pṛthivi-mudra)

*)OṂ_ PṚTHIVYAI_ SVĀHĀ

100) Như trước, dùng tay Trí Tuệ (tay phải) làm tướng Thí Vô Úy, đem Hư Không Luân (ngón cái) vào trong lòng bàn tay. Đây là **Thỉnh Triệu Hỏa Thiên Ấn** (ĀkarṣaṆa-Agni- mudra)

*)OṂ_ AGNAYE_ SVĀHĀ

101) Liền dùng hình Thí Vô Úy, đem Hư Không Luân (ngón cái) giữ lóng thứ hai của Thủy Luân (ngón vô danh). Đây là **Nhất Thiết Chư Tiên Ấn** (Sarva Ṛṣīṃ-mudra).Tùy theo thứ tự tương ứng mà sử dụng.

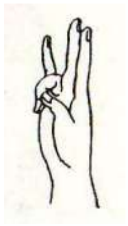

**Phộc Tư Tiên** (Vasu Ṛṣī)

*)OṂ_ VASIṢṬA   ṚṢIṂ _ SVĀHĀ

**A Điệt Lị Tiên**  (Atreye Ṛṣī)

*)OṂ_ ATREYE  MAHĀ-ṚṢIṂ _ SVĀHĀ

**Nghiệt Lật Già Tiên**  (Aṅgira Ṛṣī)

*)OṂ_ AṄGIRA  MAHĀ-ṚṢIṂ_ SVĀHĀ

**Kiều Đáp Ma Tiên** (Gautama Ṛṣī)

*)OṂ_ GAUTAMA  MAHĀ-ṚṢIṂ  GARGHA_ SVĀHĀ

**Vĩ Lý Cù Tiên** (Bhṛgautama Ṛṣī):

*)OṂ_ BHṚGAUTAMA  MAHĀ-ṚṢIM_ SVĀHĀ

102) Như trước, đem tay Định Tuệ hợp cùng nhau, đưa Phong Luân (ngón trỏ) Địa Luân (ngón út) vào trong quyền, các Luân còn lại đều hướng lên trên. Đây là **Diễm Ma Đãn Trà Ấn** (Yamadaṇḍa-mudra)

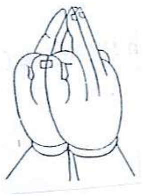

*)OṂ VAIVASVATĀYA_ SVĀHĀ

103) Tay Tuệ (tay phải) hướng xuống dưới giống như **Kiện tra** (Ghaṃṭa: cái chuông nhỏ). Đây là **Diễm Ma Phi Đạc Ấn** (Yamī-mudra)

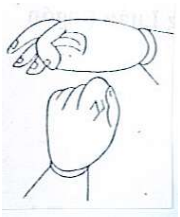

*)OṂ_ YAMI_ SVĀHĀ

104) Dùng tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền, Duỗi Phong Hỏa Luân (ngón trỏ và ngón giữa)  là **Ám Dạ Thiên Ấn** (Kāla-rātṛ-mudra)

*)OṂ_ KĀLA-RĀTRĪYE_ SVĀHĀ

105) Liền dùng Ấn này, co Phong Luân (ngón trỏ) là **Lỗ Đạt La Kích Ấn** (Rudra-praharaṇa_mudra)

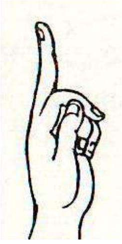

*)OṂ_ RAUDRĪ_ SVĀHĀ

106) Như Ấn trước, làm hình cầm hoa sen  là **Phạm Thiên Minh Phi Ấn** (Brahmaṇi-vidyarājñi-mudra)

*)OṂ_ BRAHMĪ _ SVĀHĀ

107) Như Ấn trước, co Phong Luân (ngón trỏ) đặt trên lưng lóng thứ ba của Hỏa Luân (ngón giữa). Đây là **Kiều Mạt Ly Thước Để ấn** (Kaumāri-śākti-mudra)

*)OṂ_ KAUMĀRĪ _ SVĀHĀ

108 ) Liền dùng Ấn này, khiến Phong Luân (ngón trỏ) đè trên Hư Không (ngón cái). Đây là **Ná La Diên Hậu Luân Ấn** (Nārāyaṇi-cakra-mudra)

*)OṂ_ VIṢṆEVI_ SVĀHĀ

109) Tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền, khiến Hư Không Luân (ngón cái) thẳng lên trên. Đây là **Diễm Ma Thất Mẫu Chùy Ấn** (Yama-saptamātṛka-mudra)

*)OṂ_ MĀTṚBHYAḤ_ SVĀHĀ

110) Ngửa tay Định (tay trái) như tướng cầm **Kiếp Bát La** (Kapāla:đầu lâu), là **Giá Văn Tra Ấn** (Cāmuṇḍa-mudra)

*)OṂ_ CĀMUṆḌĀYE _ SVĀHĀ

111) Như Yết Già Ấn (Khaḍga-mudra: Đao Ấn) lúc trước, là **Niết Ly Để Đao Ấn** (Nṛti-khaḍga-mudra)

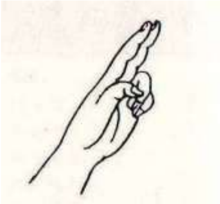

*)OṂ_ RĀKṢASA ADHIPATĀYE_ SVĀHĀ

112) Như Luân Ấn lúc trước, đem tay Tam Muội (tay trái) tác làm. Đây là **Ná La Diên Luân Ấn** (Nārāyaṇa-cakra-mudra)

*)OṂ_ VIṢṆUVE_ SVĀHĀ

113) Dùng chuyển tay Định Tuệ, trái phải cùng đè nhau, là **Nan Đà Bạt Nan Đà Nhị Vân Ấn** (Nanda Upananda-megha-mudra)

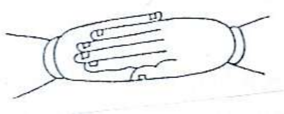

*)OṂ_ NANDA  UPANANDAYE_ SVĀHĀ

114) Như trước, duỗi tay Tam Muội (tay trái) Hư Không Địa Luân (ngón cái và ngón út) cùng bấm nhau, là **Thương Yết La Tam Kích Ấn** (Śaṃkara-tripraharaṇa-mudra)

*)OṂ_ ŚAṂKARA_ SVĀHĀ

115) Như trước, duỗi tay Tam Muội (tay trái) Hư Không Địa Luân (ngón cái và ngón út) cùng giữ nhau, là **Thương Yết La Hậu Ấn** (Śaṃkarī-mudra)

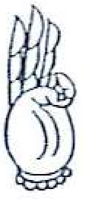

*)OṂ_ ŚAṂKARĪYE_ SVĀHĀ

116) Liền dùng Ấn này, duỗi thẳng 3 Luân (3 ngón tay), là **Thương Yết La Phi Ấn** (Śaṃkarī-śakti-mudra)

*)OṂ_ ŚAṂKARĪYE_ SVĀHĀ

117) Dùng tay Tam Muội (tay trái) làm tướng hoa sen, là **Phạm Thiên Ấn** (Brahma-mudra)

*)OṂ_ PRAJAPATAYE_ SVĀHĀ

118) Nhân tác quán trắng tinh, là **Nguyệt Thiên Ấn** (Candra-mudra)

*)OṂ_ CANDRĀYA_ SVĀHĀ

119) Dùng tay Định Tuệ hiển hiện Hợp Chưởng, co Hư Không Luân (ngón cái) để bên cạnh  Thủy Luân (ngón vô danh). Đấy là **Nhật Thiên Xa Lạc Ấn**.

*)OṂ_ ĀDITĀYA_ SVĀHĀ

120) Hợp Bát Nhã Tam Muội Thủ (tay phải và tay trái) Hướng Địa Phong Luân (ngón út và ngón trỏ) vào bên trong, Thủy Hỏa Luân (ngón vô danh và ngón giữa) cùng giữ nhau như cây cung. Đây là **Xá Gia Tỳ Xá Gia Ấn** (Jaya-vijaya-mudra)

*)OṂ_ JAYA  VIJAYA_ SVĀHĀ

121) Như Tràng Ấn lúc trước, là **Phong Thiên Ấn** (Vāyu-mudra)

*)OṂ_ VĀYAVE_ SVĀHĀ

122) Ngửa tay Tam Muội (tay trái) để ở vành rốn. Tay Trí Tuệ (tay phải) Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) cùng giữ nhau, hướng vào thân vận động như tấu nhạc. Đây là **Diệu Âm Thiên Phí Noa Ấn** (Sarasvati-viṇa-mudra)

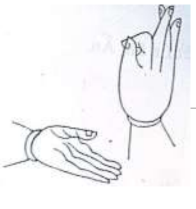

*)OṂ_ SARASVATYAI_ SVĀHĀ

123) Như Quyến Sách Ấn lúc trước, là **Chư Long Ấn** (Sarva-ṇāga-mudra)

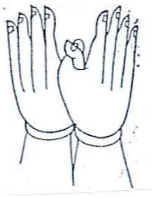

*)OṂ_ APĀṂPATAYE_ SVĀHĀ

*)OṂ_ MEGHĀŚANĪYE_ SVĀHĀ

124) Như Diệu Âm Thiên Ấn (Sarasvati-mudra) lúc trước, co Phong Luân (ngón trỏ) giao trên Không Luân (ngón cái). Đây là **Nhất Thiết A Tu La Ấn** (Sarva-asura-mudra)

Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Nghiệt la la diên (2) toa ha (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ GARALAYAṂ_ SVĀHĀ

125) Hướng vào bên trong nắm quyền rồi duỗi Thủy Luân (ngón vô danh) Đây là **Càn Thát Bà Ấn** (Gandharva-mudra)

Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Vi thâu đà tát phộc la, phộc hệ nễ (2) toa ha" (3)**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ VIŚUDDHA-SVARAVĀHINI_ SVĀHĀ

126) Liền dùng Ấn này, duỗi Phong Luân (ngón trỏ). Đây là **Nhất Thiết Dược Xoa Ấn** (Sarva-yakṣa-mudra)

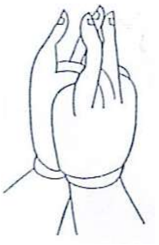

Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Dược khất-sai thấp-phộc la (2) toa ha (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ YAKṢEŚVARA_ SVĀHĀ

127) Lại dùng Ấn này, Hư Không Luân (ngón cái) Địa Luân (ngón út) cùng giữ nhau, duỗi Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ). Đây là **Dược Xoa Nữ Ấn** (Yakṣi-mudra)

Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Dược khất-xoa vĩ nễ-gia đạt lý (2) toa ha (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ YAKṢA VIDYA-DHĀRI_ SVĀHĀ

128) Hướng bên trong nắm quyền, duỗi Hỏa Luân (ngón giữa). Đây là **Chư Tỳ Xá Gia Ấn** (Sarva-piśāca-mudra)

Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) bỉ xá già nghiệt để (2) toa ha (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ PIŚĀCA GATI _ SVĀHĀ

129) Sửa đổi, co Hỏa Luân (Ngón giữa) là **Chư Tỳ Xá Chi Ấn** (Sarva-piśāci-mudra)

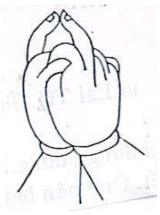

Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Bỉ chỉ bỉ chỉ (2) toa ha (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ PICI PICI_ SVĀHĀ

130) Như trước, đem tay Định Tuệ hợp cùng nhau, dựng Hư Không Luân (ngón cái) đứng đều nhau. Đây là **Nhất Thiết Chấp Diệu Ấn** (Sarva-graha-mudra)

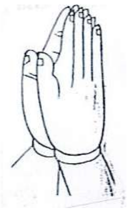

Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Nghiệt-la hề thấp-mạt lý-gia bát-la bát-đa (2) nhụ để ma gia (3) toa ha (4)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ GRAHEŚVARYA PRĀPTA JYOTIRMAYA_ SVĀHĀ

131) Lại dùng Ấn này, Hư Không Hỏa Luân (ngón cái và ngón giữa) cùng giao nhau. Đây là **Nhất Thiết Chư Tú Ấn** (Sarva-nakṣatra-mudra)

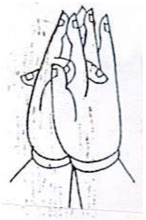

Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Na cật-sái đát-la (2) nễ nang nại nễ duệ (3) toa ha (4)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ NAKṢATRA NIRJADANIYE_ SVĀHĀ

132) Liền dùng Ấn này, co 2 Thủy Luân (2 ngón vô danh) vào trong lòng bàn tay. Đây là **Chư La Sát Sa Ấn** (Sarva-rākṣasa·

Chân Ngôn là:

**"Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) La cật-sái sa địa bát đa duệ (2) toa ha (3)"**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ RĀKṢASA-ADHIPATAYE_ SVĀHĀ

133) Duỗi tay Tam Muội (tay trái) che khuôn mặt (diện môn) dùng Nhĩ Ha Phộc (jihva: cái lưỡi) liếm chạm lòng bàn tay. Đây là **Chư Trà Cát Ni Ấn** (Sarva-ḍākiṇī-mudra)

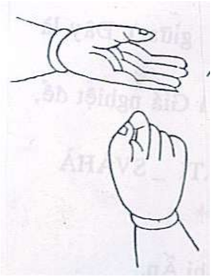

Chân Ngôn là:

**Nam ma tam mạn đa bột đà nam (1) Hiệt-lý ha, toa ha (2)**

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ HRĪḤ HAḤ_ SVĀHĀ

Này Bí Mật Chủ! Các Ấn Như Lai Thượng Thủ như vậy sinh từ **Như Lai Tín Giải** (Tathāgata-adhimukti) tức đồng với vật tiêu biểu của Bồ Tát, số ấy nhiều vô lượng.

Lại nữa Bí Mật Chủ! Cho đến cử động của các bộ phận thân thể, đi đứng, dừng… cũng đều là **Mật Ấn** (Guhya-mudra) cả. Tướng của cái lưỡi là nơi truyền mọi thứ ngôn thuyết. Ông nên biết ấy cũng là **Chân Ngôn**.

Chính vì thế cho nên Bí Mật Chủ! Các Bồ Tát tu Hạnh Bồ Tát theo Chân Ngôn Môn đã phát Tâm Bồ Đề rồicũng nên trụ vào Như Lai Địa mà vẽ **Mạn Trà La** (Maṇḍala). Nếu khác với điều này thì đồng với tội phỉ báng chư Phật Bồ Tát và vượt **Tam Muội Gia** (Samaya) ắt quyết định đọa vào nẻo ác.

ĐẠI TỲ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN GIA TRÌ KINH

_QUYỂN THỨ TƯ (Hết)_